

TRẺ EM LAO ĐỘNG DI CƯ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

Lê Đăng Bảo Châu

Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế

Email : lebaochau73@yahoo.com

TÓM TẮT

Công cuộc Đổi mới đã mang lại cho Việt Nam những thành tựu đáng kể, đặc biệt là tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, Việt Nam phải đương đầu với nhiều vấn đề xã hội nảy sinh. Bằng phương pháp nghiên cứu tài liệu, bài báo trình bày sự xuất hiện trở lại và gia tăng trẻ em lao động di cư ở các thành phố lớn, đặc biệt là nhóm trẻ em được gia đình gửi đến làm việc trong các cơ sở sản xuất, dịch vụ tư nhân. Bài báo cũng chỉ ra rằng để có bức tranh toàn diện về trẻ em lao động di cư cần phải đi tìm các em trong các nghiên cứu trường hợp về trẻ em lang thang làm việc trên đường phố và trong những nghiên cứu về trẻ em lao động. Tình “vô hình” của trẻ em lao động di cư đã khiến cho việc nghiên cứu cũng như việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục nhóm trẻ này gặp rất nhiều khó khăn.

Từ khóa: Trẻ em lao động di cư, trẻ em lang thang, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Chính sách Đổi mới (ra đời năm 1986) đã đưa Việt Nam bước vào thời kỳ của những cải cách chính trị, kinh tế, xã hội. Đặc biệt, việc chuyển đổi từ mô hình kinh tế hóa tập trung sang mô hình kinh tế thị trường đã mang lại cho Việt Nam một hình ảnh mới. Việc tiếp cận thị trường thế giới đã tạo ra việc làm cho hàng triệu người, già và trẻ bước vào thị trường lao động mỗi năm. Tuy nhiên, không phải mọi thay đổi, đồng hành với quá trình phát triển kinh tế nhanh, đều mang tính tích cực. Khi thị trường lao động phi chính thức ở các thành phố lớn ngày càng phình to và nhu cầu về lao động giá rẻ ngày càng lớn, thì đó cũng là lúc trẻ em lao động di cư từ các khu vực nông thôn đến thành phố làm việc kiếm sống và phụ giúp gia đình cũng xuất hiện trở lại và ngày càng gia tăng.

Mặc dù nghiên cứu về trẻ em không phải là một chủ đề mới, trẻ em lao động di cư vẫn là chủ đề ít được các nhà nghiên cứu ở Việt Nam quan tâm. Vì vậy, số liệu thống kê quốc gia về trẻ em lao động di cư ở Việt Nam còn rất sơ sài. Các khảo sát bằng phương pháp định tính cũng rất ít do những khó khăn gặp phải từ việc tiếp cận và lấy thông tin từ trẻ em. Để có những can thiệp đúng đắn, từng bước hạn chế và xóa bỏ trẻ em lao động di cư, bằng phương pháp thu thập, tổng hợp và phân tích tài liệu, bài viết này đề cập đến thực trạng trẻ em lao động di cư ở Việt Nam giai đoạn từ sau năm 1986 đến nay.

2. Trẻ em lao động di cư ở Việt Nam

Để hiểu rõ khái niệm trẻ em lao động di cư, trước hết cần làm rõ hai khái niệm : lao động trẻ em và di cư. Liên quan đến khái niệm lao động trẻ em, cần nhớ rằng cho đến nay vẫn chưa có một khái niệm thống nhất nào. Tuy nhiên, các quốc gia đều dựa vào Công ước 138 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) quy định về mức tuổi lao động tối thiểu làm căn cứ xác định lao động trẻ em. Theo công ước này, tuổi tối thiểu cơ bản là không dưới 15 và tuổi tối thiểu áp dụng cho các công việc nguy hại là không dưới 18.

Ở Việt Nam, chưa có khái niệm chung về lao động trẻ em. Tuy nhiên, những quy định trong Bộ luật lao động 2007 về cơ bản là phù hợp với điều ước quốc tế về lao động trẻ em. Điều 119 của Bộ luật này quy định : Người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi. Điều 120 của Bộ luật cấm nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc, trừ một số nghề và công việc do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định.

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng khái niệm lao động trẻ em là những lao động có độ tuổi dưới 18 tuổi, tham gia làm các công việc mà điều kiện làm việc ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần và nhân phẩm của trẻ. Với điều kiện làm việc, các quốc gia thường lấy độ dài thời gian làm việc làm thước đo chính. Với trẻ em từ 5-11 tuổi là trên 1 giờ/ngày hoặc trên 5 giờ/tuần ; Với trẻ từ 12-14 tuổi là trên 4 giờ/ngày hoặc trên 24 giờ/tuần ; Trẻ em từ 15-17 tuổi là trên 7 giờ/ngày hoặc trên 42 giờ /tuần.

Theo khái niệm của Liên Hiệp Quốc, di cư là sự di chuyển từ một đơn vị lãnh thổ này đến một đơn vị lãnh thổ khác, hoặc là sự di chuyển theo khoảng cách tối thiểu quy định. Sự di chuyển này diễn ra trong một khoảng thời gian xác định và được đặc trưng bởi nơi cư trú thường xuyên.

Trong bài này, trẻ em lao động di cư do đó được hiểu là những lao động dưới 18 tuổi phải rời khỏi gia đình, đến sinh sống ở một nơi khác và làm việc ở những nơi có điều kiện làm việc ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần và nhân phẩm của các em.

Nói đến trẻ em lao động di cư ở Việt Nam giai đoạn từ sau chính sách Đổi mới, phải nhắc đến sự xuất hiện của loại hình trẻ “di cư kinh tế”. “Nghiên cứu về trẻ em đường phố ở thành phố Hồ Chí Minh” của Terre des hommes về trẻ em đường phố tiến hành vào năm 2000 đã phát hiện sự hiện diện và gia tăng của nhóm trẻ này ở thành phố Hồ Chí Minh. Số trẻ em này, chủ yếu từ các tỉnh miền Trung và miền Bắc (73%) đến thành phố để kiếm tiền phụ giúp gia đình. Nghiên cứu đã đặt tên cho nhóm trẻ em này là “người di cư kinh tế” [21, tr. 20] và đối tượng này được xếp vào nhóm D. Lưu ý rằng trước đó 8 năm (vào năm 1992), Terre des Hommes đã có 1 nghiên cứu về trẻ em đường phố ở Tp. HCM. [20]. Vào thời gian này, ở đây chưa xuất hiện nhóm trẻ em di cư kinh tế. Trên các đường phố, chỉ có ba nhóm sau:

- Nhóm A : Những trẻ bỏ nhà ra đi hay những trẻ vô gia cư và ngủ ngoài đường
- Nhóm B : Những trẻ ngủ ngoài đường với gia đình hoặc với người bảo hộ

- Nhóm C : Những trẻ có gia đình hoặc người bảo hộ và ngủ ở nhà.

Điều đó cũng có nghĩa là trong thời gian đầu của thập niên 90, hầu như không có dạng trẻ em di cư một mình đến thành phố Hồ Chí Minh làm việc để gửi tiền về giúp đỡ gia đình. Trẻ em di cư kinh tế chỉ xuất hiện từ trong giai đoạn 1992-2000. Các em ở nhóm D trong mẫu khảo sát lần thứ hai của Terre des Hommes bao gồm cả nam lẫn nữ, ở trong độ tuổi từ 12 đến 17 tuổi, tuổi trung bình là 15. Có khoảng 73% các em đến từ miền Bắc và miền Trung và 23% từ các tỉnh Nam Trung bộ. Đói nghèo (chiếm 96%) vẫn là nguyên nhân chính khiến trẻ em phải rời gia đình ra thành phố lao động kiếm sống. Trẻ thuộc nhóm D là những trẻ có trình độ học vấn cao nhất trong số 4 nhóm trẻ : 83% các em biết chữ, hơn 50% các em trai và trên 40% các em gái thuộc nhóm D bỏ học ở cấp 2. Khảo sát năm 2000 của Terre des Hommes cho biết những đứa trẻ di cư kinh tế này có một công việc tương đối bảo đảm, với nguồn thu nhập đều đặn. Các em không được xem là trẻ em đường phố vì được trả lương để làm công việc được thuê. Một số lao động trẻ em nhập cư làm việc trên đường phố, một số khác được thuê mướn để làm trong các cơ sở kinh doanh nhỏ hay các xưởng sửa chữa. Phần lớn trẻ em thuộc nhóm D này, mặc dù sống và làm việc xa nhà nhưng vẫn gắn bó với gia đình, quê hương, yêu thương bố mẹ và làm việc bằng trách nhiệm để gửi tiền về nhà. Số lượng lao động trẻ em nhập cư ở thành phố Hồ Chí Minh theo nghiên cứu là rất cao và đang gia tăng nhanh chóng.

Vấn đề trẻ em di cư kinh tế có quan hệ chặt chẽ với vấn đề trẻ em lang thang và trẻ em lao động, mặc dù hai nhóm này không phải lúc nào cũng trùng khớp với nhau. Hiện tại ở Việt Nam vẫn còn thiếu số liệu toàn diện về trẻ em lao động di cư trong khi vấn đề trẻ em lang thang và trẻ em làm việc được nghiên cứu nhiều hơn. Nghiên cứu của Terre des Hommes [21] và nghiên cứu Dương Kim Hồng và Kenichi Ohno [7] có đề cập đến trẻ em di cư kinh tế nhưng lại xem nhóm trẻ này như là 1 biến thể mới của trẻ em lang thang, bởi trẻ em mà họ tiếp cận được làm việc trên đường phố. Chỉ khác là nhóm này không ngủ trên đường phố và có những thái độ, hành vi khác với những trẻ thuộc nhóm khác vì cuộc sống cũng như công việc của các em “ổn định” hơn cho dù thu thập hàng tháng thường rất thấp. Nghiên cứu “Migrant working children in Ho Chi Minh city: Emerging trends between economic migrant and runaway child workers” của Paige Fern [16] chủ yếu cũng dựa trên kết quả 2 cuộc điều tra (1992 và 2000) của Terre des Hommes, bổ sung thêm dữ liệu thu được trong năm 2005 của Văn Thị Ngọc Lan và thông tin thu được từ 30 mẫu phỏng vấn sâu năm 2006 của tác giả này dành cho trẻ bán vé số, đánh giày và bán phở gõ ở thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu này đã cung cấp những nguyên nhân tạo ra tình trạng gia tăng số lượng trẻ em di cư kinh tế ở thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1992 đến năm 2000.

3. Trẻ em lang thang và trẻ em lao động - một biến thể của trẻ em lao động di cư

Liên quan đến nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và dễ bị tổn thương nhất trong xã hội đó là nhóm trẻ em lang thang, trẻ em đường phố, có rất nhiều nghiên cứu quan tâm, ví dụ như nghiên cứu của Đỗ Thị Ngọc Phượng [8], Dương Chí Thiện [6], Dương Kim Hồng [7]. Ngoài việc phân loại trẻ em đường phố, các nghiên cứu này đều tập trung phân tích tính dễ bị tổn

thương ở trẻ, làm rõ các nhu cầu mà trẻ em lang thang kiếm sống trên đường phố mong đợi cũng như các chính sách bảo trợ của nhà nước đối với nhóm trẻ em này. Đặc biệt, nghiên cứu của Dương Kim Hồng và Kenichi Ohno [7] đã điểu lại định nghĩa và phân loại trẻ đường phố của các nghiên cứu trước đây. Nghiên cứu này đã tiến hành so sánh kết quả nghiên cứu của 4 cuộc điều tra về trẻ em lang thang ở 2 thành phố lớn nhất Việt Nam, thành phố Hồ Chí Minh và ở thành phố Hà Nội. Đó là : (1) Cuộc điều tra lần thứ 1 về “Trẻ bụi đời tại thành phố Hồ Chí Minh” của Terre des hommes [20]; (2) Cuộc điều tra lần thứ 2 của Terre des hommes với chủ đề “Nghiên cứu về trẻ em đường phố ở thành phố Hồ Chí Minh” được tiến hành năm 2000 và được bổ sung kết quả từ các cuộc thảo luận nhóm của các phỏng vấn viên được tiến hành vào năm 2002 [21]; (3) Điều tra về tình hình trẻ em đường phố tại Hà Nội (tháng 3 năm 1996) được tiến hành vào tháng 11 và 12 năm 1995 của Nguyễn Văn Buồm và Jonathan Caseley [15]; và (4) cuộc điều tra về trẻ em đường phố được Diễn đàn Phát triển Việt Nam (VDF) tiến hành vào tháng 6 năm 2004 [5]. Từ đó, các tác giả đã đề nghị một cách phân loại trẻ em đường phố mới dựa trên tiêu chí nguyên nhân và hoàn cảnh. Trong đó, nguyên nhân được phân thành gia đình tan vỡ, vấn đề nhận thức, và kinh tế. Hoàn cảnh được phân thành những đảm bảo hiện tại và đầu tư cho tương lai. Nghiên cứu này chỉ ra rằng vào năm 1992, đa số trẻ em lang thang ở thành phố Hồ Chí Minh đều đến từ các tỉnh phía Nam. Tại thời điểm đó, những trẻ đến từ các tỉnh phía Bắc và Bắc trung bộ không có nhiều ở thành phố Hồ Chí Minh. Tính đến năm 2000, có nhiều trẻ lang thang đến từ nhiều vùng quê khác tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh hơn. Hơn 70% số trẻ nhóm A, B và nhóm C đến từ các tỉnh phía Nam và Nam trung bộ, trong khi đó có tới 60% trẻ thuộc nhóm D (vì lý do kinh tế) đến từ các tỉnh miền Bắc và Bắc Trung Bộ. Điều này chứng minh trong những năm gần đây, phần lớn trẻ miền Bắc và Bắc trung bộ đến thành phố Hồ Chí Minh đều là những lao động di cư. Cũng theo báo cáo nghiên cứu của Dương Kim Hồng và Kenichi Ohno, hai cuộc điều tra ở Hà Nội đã khẳng định rằng phần lớn trẻ di cư đến từ các vùng nông thôn, trong đó số trẻ đến từ Thanh Hóa là đông nhất.

Nói đến trẻ em lao động di cư, không thể không nhắc đến những nghiên cứu về lao động trẻ em. Có nhất nhiều nghiên cứu về trẻ em lao động sớm và lạm dụng lao động trẻ em như nghiên cứu của UNICEF [22], Viện khoa học lao động và xã hội [24], Ngân hàng thế giới [25]. Đặc biệt, điều tra quốc gia về lao động trẻ em của ILO [12] đã ước tính một con số không nhỏ 1,75 triệu trẻ em Việt Nam đang làm việc trong điều kiện được thống kê vào nhóm lao động trẻ em. Liên quan đến các loại hình lao động trẻ em, ngoài các công việc ở trên đường phố (như đánh giày, bán vé số, ăn xin...) và trong các cơ sở sản xuất, sửa chữa tư nhân, có một loại hình lao động mà gần đây các nghiên cứu ở Việt Nam rất quan tâm : trẻ em giúp việc nhà. Sự phát triển kinh tế thời kỳ hậu đổi mới đã có những tác động rất lớn đến tính chất và hình thái của lao động trẻ em. Trong bối cảnh ngày càng có nhiều phụ nữ tham gia vào lao động sản xuất, lao động làm công ăn lương, học hành, tìm kiếm thu nhập cho gia đình, các hộ gia đình ngày càng cần người giúp việc nhà và trông giữ con cái. Theo nghiên cứu của Save the children UK [18] và của ILO [11], phần lớn phụ nữ và trẻ em ở các vùng nông thôn rất thích hợp với loại công việc này. Vì thế họ di cư từ nông thôn lên thành thị để kiếm sống bằng công việc giúp việc nhà.

Nghiên cứu của ILO [11] đã cho biết có đến 2161 trẻ em làm nghề giúp việc nhà ở thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, có 69,7% trẻ em gái và 30,3% trẻ em nam. 31% trẻ giúp việc nhà bước vào nghề ở độ tuổi trung bình 13,2 tuổi (vào thời điểm nghiên cứu). Công việc chính của các em là : rửa bát, lau nhà, chuẩn bị các bữa ăn và trông em. Thời gian làm việc của các em trung bình là 13 giờ/ ngày/7 ngày.

Nghiên cứu “Trẻ em làm thuê giúp việc gia đình ở Hà Nội” của Tổ chức cứu trợ trẻ em Thụy Điển và Khoa Tâm lý, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội cho biết: “phần đông trẻ em lao động làm thuê ở thành thị xuất thân từ gia đình đang sinh sống và làm ăn ở các vùng nông thôn, nơi còn nhiều khó khăn về kinh tế” [17, tr. 79]. 219 em giúp việc cho các gia đình ở Hà Nội trong mẫu khảo sát của nghiên cứu này đến từ 21 tỉnh, rải khắp từ miền Bắc đến miền Trung. Chủ yếu từ các vùng nông thôn. Kết quả nghiên cứu này khẳng định hiện tượng di chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị có lao động trẻ em. Hoàn cảnh khó khăn về kinh tế vẫn luôn là nguyên nhân chính khiến các em phải đi làm thuê giúp việc nhà. Phần lớn trẻ em lao động bị lạm dụng dưới nhiều hình thức.

4. Tính “vô hình” của trẻ em lao động di cư ở Việt Nam - một khó khăn cho các nghiên cứu khoa học

Có thể nói cho đến nay, các nghiên cứu về trẻ em di cư kinh tế ở Việt Nam chưa nhiều và chưa có tính hệ thống. Nguyên nhân của sự thiếu vắng này thứ nhất phải kể đến tính chất “mới xuất hiện” (khoảng từ giữa những năm 1990) của hiện tượng trẻ em lao động di cư được trả công ở Việt Nam và kéo theo nó là những khó khăn do thiếu số liệu thống kê chính thức cũng như những tài liệu sẵn có về trẻ em di cư kinh tế. Thứ hai, mà cũng là nguyên nhân chủ yếu, là tính “vô hình” của nhóm đối tượng này do không đăng ký tạm trú tạm vắng nên không xuất hiện trong các số liệu thống kê chính thức. Khi trẻ không đăng kí cư trú cũng có nghĩa là các em không tồn tại một cách chính thức ở địa chỉ lưu trú và ở những cơ sở làm việc tại khu vực đô thị. Nghiên cứu về “lao động trẻ em ở thành phố Hồ Chí Minh” của Save the UK [18] đã chỉ ra rằng trẻ em làm việc nhiều trong các cơ sở sản xuất gia đình, tư nhân và phi chính thức ở thành phố Hồ Chí Minh. Theo nghiên cứu này, hiếm thấy các em làm việc trong các công ty, xí nghiệp có đăng ký kinh doanh và các doanh nghiệp nhà nước. Trẻ em làm việc trong các cơ sở chế biến (manufacturing) và xử lý (processing) đa phần tập trung ở các cơ sở tư nhân nhỏ và vừa. Nghiên cứu đã giải thích vì sao đa số trẻ em đều làm việc trong các cơ sở chế biến và xử lý tư thuộc hệ thống kinh tế phi chính thức. Một trong số nguyên nhân phải kể đến là các cơ sở sản xuất này do vốn đầu tư ít, thường sử dụng các nguyên vật liệu cũng như máy móc rẻ nhất, có chất lượng thấp nhất để sản xuất ra hàng hóa có chất lượng thấp với giá thành sản phẩm cũng thấp. Những cơ sở này sản xuất và bán hàng trong một thị trường có sức mua thấp, do đó lợi nhuận thu được cũng không cao. Vì thế họ phải tìm kiếm nguồn lao động rẻ nhất đó là lao động phụ nữ, trẻ em và lao động di cư. Trong khi đó, các cơ sở sản xuất thuộc hệ thống kinh tế chính thức, vì có đăng ký kinh doanh, đòi hỏi người lao động được tuyển dụng phải có đầy đủ các giấy tờ cần thiết như giấy khai sinh, chứng minh nhân dân và chứng chỉ nghề. Do đó, theo một nghiên cứu khác của Save the children UK [19], rất khó để biết các em sẽ phải làm thế nào để

được bảo vệ khi có hành vi xâm hại xảy ra. Trong nhiều trường hợp khi phải đối mặt với những căng thẳng trong quan hệ với người địa phương nơi các em nhập cư đến, trẻ em nhập cư thường tham gia các băng nhóm như là một cách để được ở trong một mối quan hệ gia đình và không bị cô lập. Việc không đăng ký cư trú tại nơi đến, làm việc ở các cơ sở tư nhân thuộc hệ thống kinh tế phi chính thức không có đăng ký kinh doanh càng làm tăng tính “vô hình” của trẻ em lao động di cư.

5. Kết luận

Qua gần 30 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước Việt Nam đặc biệt quan tâm đến việc chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em. Việt Nam là nước đầu tiên ở châu Á và là nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước quốc tế về quyền trẻ em. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, quyền trẻ em ở một số vùng ở nước ta vẫn chưa được đảm bảo. Vì nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm cả những nguyên nhân từ phía xã hội và những yếu tố thuộc hoàn cảnh gia đình, mong đợi cá nhân, trẻ em ở các vùng nông thôn nghèo vẫn đang di chuyển đến các khu đô thị lớn để làm việc kiếm sống. Ngoài các nhóm trẻ em lang thang, trẻ em đường phố, từ những năm 1990 ở các thành phố lớn tại Việt Nam, có sự hiện diện và gia tăng của nhóm trẻ em di cư kinh tế. Các em làm việc như những công nhân thực thụ trong những cơ sở sản xuất, kinh doanh, như lao động người lớn trên đường phố, ở các bến tàu, nhà ga hay là làm thuê giúp việc nhà cho các gia đình ở thành phố. Cho dù làm việc ở đâu và trong điều kiện nào, quyền trẻ em của các em vẫn không được đảm bảo. Trong số những em đến thành phố một mình, nhóm trẻ “di cư kinh tế” làm việc bên trong trong các xưởng sản xuất nhỏ hay trong nhà của chủ lao động được xem là nhóm khó nghiên cứu nhất. Nguyên nhân chính là tính “vô hình” của các em ở thành phố được tạo ra do tính chất công việc và sự nới lỏng quản lý hộ khẩu của nhà nước từ sau chính sách Đổi mới. Vì một ngày mai tươi sáng hơn, trẻ em lao động di cư cần phải được toàn xã hội quan tâm, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và UNICEF Việt Nam (2009). *Xây dựng môi trường bảo vệ trẻ em Việt Nam: Đánh giá pháp luật và chính sách bảo vệ trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam*. Website : <http://www.unicef.org/vietnam/vi/Rasoatphapluat.pdf>
- [2]. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2001). *Đánh giá và khuyến nghị cho việc sửa đổi các chính sách, kế hoạch chiến lược về phòng chống lạm dụng tình dục trẻ em năm 2001-2010*, Bộ LĐTBXH, Vụ phòng chống tệ nạn xã hội, Hà Nội.
- [3]. Dang Nguyen Anh (2005). *Internal Migration: Opportunities and Challenges for Development*, Asia-Pacific Economic Center, Hanoi.
- [4]. Dương Kim Hồng, Kenichi Ohno, (Tháng 7/2005). *Trẻ đường phố Việt Nam, Những nguyên nhân truyền thống và những nguyên nhân mới, mối quan hệ giữa các nguyên nhân này trong nền kinh tế đang phát triển*, Diễn đàn phát triển Việt Nam. Website:

<http://www.grips.ac.jp/vietnam/VDFTokyo/Temp/Doc/2005/DP06V-DKHong&KOhnoJul05.pdf>

- [5]. Dương Chí Thiện (2007). “Trẻ em đường phố như một nhóm xã hội”, Luận án tiến sĩ xã hội học, mã số 62313001, Hà Nội.
- [6]. Duong Kim Hong and Kenichi Ohno, (2007). “Street Children in Vietnam: Interactions of Old and New Causes in a Growing Economy” in *social issues under economic transformation and intergration in Vietnam*, Vietnam development forum.
- [7]. Đỗ Thị Ngọc Phượng (1995). Trẻ em lang thang - một vấn đề xã hội cần được quan tâm, *Tạp chí Xã hội học*, số 2.
- [8]. Hoàng Bá Thịnh (1997). *Tìm kiếm giải pháp phòng chống mại dâm trẻ em*, Trung tâm nghiên cứu về giới, gia đình và môi trường, Tổ chức Radda Barnen Việt Nam.
- [9]. ILO (2002) by Le Bach Duong. *Children in prostitution in Hanoi, Hai Phong, Ho Chi Minh city and Can Tho: A rapid Assessment*. ILO, Bangkok. Website: http://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/documents/publication/wcms_bk_pb_13_en.pdf.
- [10]. ILO (2006). *Child domestic workers in HoChiMinh city* [Survey Report]. ILO office in Vietnam. Web: <http://www.ilo.org/ipeinfo/product/download.do?type=document&id=4784>
- [11]. ILO, Lao động, Thương binh và Xã hội, Tổng cục thống kê (2014). *Điều tra quốc gia về lao động trẻ em 2012. Các kết quả chính*, Hà Nội. Website: http://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_237841.pdf
- [12]. Institute of Economic Research of Ho Chi Minh City (1997). *Survey of Spontaneous Migration to Ho ChiMinh City*, Project VIE/95/004, Institute of Economic Research of Ho Chi Minh City, Ho Chi Minh City.
- [13]. Nguyen Thi Van Anh (1993). *Trẻ em đường phố tại Hà Nội*, Viện xã hội học và ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em, Hà Nội.
- [14]. Nguyen Van Buom and Jonathan Caseley (1996). *Survey on the situation of street children in Hanoi*, Youth research Institute.
- [15]. Paige Fern (2006). *Migrant working children in HoChiMinh City: emerging trends between economic migrant and runaway child workers* [Working paper en ligne]. Partial fulfillment of the requirements for Vietnam: Culture and development [Seminar]. HoChiMinh city. Website: http://digitalcollections.sit.edu/isp_collection/308
- [16]. Save the children Sweden (2000). *Trẻ em làm thuê giúp việc gia đình ở Hà Nội*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
- [17]. Save the children UK (1998). *Child Labour in Ho Chi Minh City*, Hanoi.

- [18]. Save the Children UK (2006). *A Rapid Assessment of the Situation of Migrant Children in Viet Nam*.
- [19]. Terre des homes Foundation (1992, 1994). *A Study on Street Children in Ho Chi Minh City*, National Political Publisher, Hanoi.
- [20]. Terre des homes Foundation (2004). *Nghiên cứu về trẻ em đường phố ở thành phố Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
- [21]. UNICEF (2004). *Lạm dụng trẻ em ở Việt Nam: Báo cáo tóm tắt về khái niệm, bản chất và phạm vi của lạm dụng trẻ em ở Việt Nam*, UNICEF, Hà Nội.
- [22]. United Nations Development Program, (2001). *Doi Moi and Human Development in Vietnam” in National Human Development Report*. The Political Publishing House, Hanoi, Vietnam.
- [23]. Viện khoa học lao động và xã hội (2000). *Nghiên cứu về lao động trẻ em ở Việt Nam: 1992-1998*, Nhà xuất bản lao động và xã hội, Hà Nội.
- [24]. World Bank (February 2002). “Child labor in transition in Vietnam” in *Policy research working papers*, World Bank, Hanoi. Website: <http://elibrary.worldbank.org/doi/abs/10.1596/1813-9450-2774>.

CHILD LABOR MIGRATION IN VIETNAM SINCE 1986

Le Dang Bao Chau

Department of Sociology, Hue University College of Sciences

Email: lebaochau73@yahoo.com

ABSTRACT

The innovation policy in Vietnam since 1986 has brought up significant achievements to the country, particularly contributed to a rapidly economic growth. However, parallel to the achievements, the country must cope with new arising social problems. By analyzing the secondary data sources, this paper demonstrated the re-appearance and increase of the child labor migrants in the big cities, especially the group of children working for the private service agencies or manufacturing facilities. The paper also showed that in order to have a panorama of child labor migrants, it is necessary to find them in the case studies on street children and labor children. The "invisible" property of child labor migrants is one of the main limited factors, which caused a lot of difficulties for investigating as well as providing a comprehensive protection, care, and education to the target children.

Keywords: *child labor migrants, street children, Vietnam.*